

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ P  
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 89/2024/DS-ST  
Ngày 16/8/2024  
V/v tranh chấp hợp đồng  
dân sự vay tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI  
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:** Ông Hoàng Văn Tiến.

**Các hội thẩm nhân dân:**

-Bà Doãn Thị Lệ

-Bà Trần Thị Thúy Lợi

**Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:** Ông Phạm Quang Hoàn – Cán bộ  
Toà án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 114/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2024 về việc *Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2024/QĐXXST-DS, ngày 02/8/2024, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Võ Thị Hát G, sinh năm 1979 (Có mặt).

Địa chỉ: Phạm Văn Đ, tổ x, phường Thống N, thành phố Pu, tỉnh Gia Lai.

**Bị đơn:** Ông Trần Xuân N, sinh năm 1960 (Có mặt).

Địa chỉ: Cách Mạng Tháng T, tổ y, phường Hoa L, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

**NHÂN THẤY:**

***Trong đơn khởi kiện nộp cho Tòa án ngày 19 tháng 3 năm 2024, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Võ Thị Hát G trình bày:***

Với mục đích kinh doanh buôn bán, thiếu vốn nên ông Trần Xuân N đã vay tiền tôi nhiều lần.

Vào ngày 08/8/2023, tôi và ông Trần Xuân N đã chót số tiền ông N vay tôi là 650.000.000đ nợ tiền gốc. Lãi suất hai bên thỏa thuận theo Ngân hàng.

Thời hạn vay hai bên thỏa thuận đến ngày 30/12/2023 thanh toán.  
Cùng ngày 08/8/2023, ông N vay thêm của tôi số tiền 100.000.000đ  
Thời hạn vay hai bên thỏa thuận đến ngày 30/12/2023 thanh toán.  
Lãi suất vay theo thỏa thuận theo Ngân hàng.

Quá thời hạn vay, tôi liên tục đòi ông Trần Xuân N, nhưng ông N không trả, hứa hẹn, cố tình không trả.

Nay tôi yêu cầu ông Trần Xuân N trả cho tôi

Tiền nợ gốc: 750.000.000đ

Tiền lãi của số tiền gốc 650.000.000đ với lãi suất là 1,66%/tháng tính từ ngày 08/8/2023 cho đến nay.

Tiền lãi của số tiền 100.000.000đ với lãi suất là 1,66% tháng tính từ ngày 31/12/2023 cho đến nay.

Trước đây tôi vay giúp anh N, chứ không liên quan đến số tiền còn nợ 750.000.000đ theo hai giấy vay tiền ngày 08/8/2023, các nội dung khác tôi và anh N đã thống nhất, dứt điểm tất toán xong, không có việc vay lãi 6%/tháng.

Ngoài ra tôi không có yêu cầu gì khác.

***Lời khai tại hồ sơ trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị đơn ông Trần Xuân N trình bày:***

Tôi đồng ý hiện nay tôi còn nợ của chị G số tiền gốc là 750.000.000đ theo hai giấy vay tiền ngày 08/8/2023.

Thỏa thuận thời hạn trả nợ ngày 30 tháng 12 năm 2023 đúng như chị G trình bày.

Thực tế chúng tôi có vay mượn tiền bắt đầu từ ngày 25/7/2019. Tôi đã trả lãi được đến nay là 1.011.500.000đ, với mức lãi suất là 6%/tháng = 72%/năm. Tiền gốc lúc đầu tổng cộng tôi vay của chị G là 550.000.000đ, đã trả tiền nợ gốc là 110.000.000đ, còn gốc 440.000.000đ, nhưng tôi không có chứng cứ tài liệu nào, ngoài các sao kê chuyển khoản giữa tôi và chị G mà tôi đã giao nộp cho Tòa án trước đây.

Nay tôi đồng ý trả cho chị G số tiền nợ gốc 750.000.000đ theo phương thức mỗi tháng trả 10.000.000đ cho đến khi hết nợ và xin chị G không tính lãi, vì điều kiện của tôi hiện nay rất khó khăn không có khả năng để trả một lần cho chị G.

### **XÉT THẤY:**

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:***

[1] Giữa các bên đương sự tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, bị đơn cư trú tại địa bàn thành phố P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

[2] Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các bên tự thương lượng và hòa giải với nhau, nhưng hòa giải không thành. Tại phiên tòa hôm nay các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, vì vậy HĐXX tiếp tục xét xử, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Đối với yêu cầu trả tiền nợ gốc: Chị Võ Thị Hát G yêu cầu ông Trần Xuân N trả số tiền nợ gốc 750.000.000đ. Căn cứ theo hai giấy vay tiền ngày 08/8/2023 giữa hai bên không có thỏa thuận về thời hạn vay, nhưng hai bên đều thừa nhận thời hạn trả theo thỏa thuận thực tế là 30/12/2023. Bị đơn ông Trần Xuân N thừa nhận còn nợ của nguyên đơn số tiền gốc là 750.000.000đ theo hai giấy vay tiền ngày 08/8/2023, nhưng cho rằng thực chất là số tiền chốt nợ gốc và lãi vay trước đó giữa hai bên. Bị đơn cung cấp cho Tòa án một số sao kê tài khoản tiền gửi khách hàng cho rằng đã thanh toán tiền lãi cho nguyên đơn số tiền 1.011.500.000đ với lãi suất vay là 6%/tháng. Tuy nhiên bị đơn không đưa ra được chứng cứ, tài liệu nào khác chứng minh số tiền đã chuyển khoản cho nguyên đơn là việc trả tiền nợ vay và tiền lãi của khoản tiền vay nào. Phía nguyên đơn thì cho rằng hai bên trước đây có quan hệ làm ăn, bị đơn bán bảo hiểm nhân thọ, có nhờ đóng giúp phí bảo hiểm, vay giúp người mua bảo hiểm để đóng phí, không liên quan đến khoản vay nợ nguyên đơn khởi kiện. Tại phiên tòa bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền gốc 750.000.000đ theo hai giấy vay tiền ngày 08/8/2023 với phương thức trả mỗi tháng 10.000.000đ cho đến khi hết nợ và xin nguyên đơn không tính tiền lãi. Ý kiến này không được phía nguyên đơn đồng ý, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc anh N phải trả cho chị G số tiền nợ gốc là 750.000.000đ.

[3.2] Đối với yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn cho rằng việc cho vay tính lãi suất theo ngân hàng, nhưng phía bị đơn thừa nhận có trả lãi ngân hàng cho nguyên đơn, nhưng với mức lãi suất 6%. Trong giấy vay tiền ngày 08/8/2023 với số tiền 650.000.000đ hai bên không ghi nhận thỏa thuận về tiền lãi, còn giấy vay tiền ngày 08/8/2023 số tiền 100.000.000đ, hai bên thỏa thuận: "*Khoản này hai bên cam kết cho nợ gốc không tính lãi*". Đến tại phiên tòa hôm nay các đương sự không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì về việc thỏa thuận mức lãi suất. Như vậy đây là được xác định là trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất nên tiền lãi sẽ được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự bằng 0,83%/tháng. Thời điểm tính lãi đối với số tiền 650.000.000đ được xác định từ

ngày vay 08/8/2023 cho đến nay (16/8/2024) là 12 tháng 08 ngày. Vì vậy tiền lãi được tính là  $650.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 12 \text{ tháng } 08 \text{ ngày} = 66.178.666đ$ .

Đối với số tiền vay 100.000.000đ thì tiền lãi được tính từ ngày chậm thanh toán 31/12/2023 đến nay là 7 tháng 16 ngày. Tiền lãi là  $100.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 7 \text{ tháng } 16 \text{ ngày} = 6.252.666đ$ .

Từ nhận định [3.1] và [3.2] có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán số tiền gốc và lãi là 822.431.332đ; trong đó tiền gốc là 750.000.000đ, tiền lãi là 72.431.332đ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Trần Xuân N chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tương đương với nghĩa vụ phải thanh toán.

Nguyên đơn chị Võ Thị Hát G không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

***- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; các Điều 5, 91, 235, 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;***

***- Áp dụng các Điều 275, 280, 351, 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;***

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Hát G.

Buộc ông Trần Xuân N phải trả cho chị Võ Thị Hát G tổng số tiền 822.431.332đ (Tám trăm hai triệu bốn trăm ba nghìn ba trăm ba mươi hai đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 750.000.000đ; Tiền lãi là 72.431.332đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

***- Căn cứ các Điều 143, 144, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 24, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;***

1. Buộc ông Trần Xuân N phải chịu 36.672.939đ (Ba sáu triệu sáu trăm bảy hai nghìn chín trăm ba chín đồng) (36.000.000đ + 22.431.332đ x 3%) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

2. Chị Võ Thị Hát G không phải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị G số tiền tạm ứng án phí đã nộp 18.037.500đ (Mười tám triệu không trăm ba bảy nghìn năm trăm đồng) theo biên lai số 0001469 ngày 02/4/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay (16/8/2024), các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự”.*

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND TP P;
- THA DS TP P;
- Các đương sự;
- Lưu hs, vp.

**Hoàng Văn Tiến**